

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Ngọc Tuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Kiệt
2. Ông Nguyễn Thanh Sang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Ni - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp *Xin ly hôn*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Đoàn Thị Tuyết V**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: số 6 đường U, phường N, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* ông **Hồ Thanh T**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: số 1044H đường Đ, phường M, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Có mặt bà V, vắng mặt ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị Tuyết V trình bày: do quen biết nên vào năm 2005 bà và ông Hồ Thanh T tự nguyện chung sống như vợ chồng, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không hạnh phúc, nên bà và ông T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn bà yêu cầu:

Về hôn nhân: yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: có 01 con chung là Hồ Như N, sinh ngày 30/6/2006. bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 03/5/2018 bà V và ông T thỏa thuận ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

* Theo bản tự khai ngày 03/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Thanh T trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà V về thời gian và quá trình chung sống vợ chồng, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Ông và bà V chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách nghĩ, cách làm, nên không còn tiếp tục chung sống từ năm 2010 cho đến nay. Nay theo yêu cầu của bà V ông đồng ý yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà V.

Về con chung: có 01 con chung là Hồ Như N, sinh ngày 30/6/2006. Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Đoàn Thị Tuyết V và ông Hồ Thanh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Ngày 16/4/2018 bà V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T đây là tranh chấp xin ly hôn được quy định tại Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn ông Hồ Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: bà Đoàn Thị Tuyết V và ông Hồ Thanh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2005 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2000; điểm b, khoản 3 nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ngày 16/4/2018 bà V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: có 01 con chung là Hồ Như N, sinh ngày 30/6/2006, tại phiên tòa bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà V và ông T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, sau khi Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông T. Xét, cháu N hiện nay đã trên bảy tuổi, cháu hiện đang trực tiếp chung sống với bà V và cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với bà V, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của bà V là phù hợp với quy định tại điều 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu. Ông T có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu và đề nghị: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông T, con chung giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ các Điều 9, 11, 87, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b, khoản 3 nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Thị Tuyết V và ông Hồ Thanh T.

2- Về con chung: giao cháu Hồ Như N, sinh ngày 30/6/2006 cho bà Đoàn Thị Tuyết V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Hồ Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu. Ông T có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này .

3- Về án phí: Bà Đoàn Thị Tuyết V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012422 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường 1, Tp Mỹ Tho
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Ngọc Tuyền